
Đào tạo chuyên ngành thư viện-thông tin

Ths. Nguyễn Thế Dũng

Trường Đại học Văn hoá TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: So sánh cơ cấu nội dung chương trình đào tạo cán bộ ngành TV-TT ở 4 bậc học ở nước ta hiện nay: trung học, cao đẳng, đại học và thạc sỹ. Nêu những tồn tại trong kết cấu chương trình hiện tại. Đề xuất việc chia các chuyên ngành đào tạo ở các cấp: cao đẳng và đại học.

I. Đặt vấn đề

Đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu cán bộ cho ngành TV-TT là một nội dung không thể thiếu trong sự nghiệp giáo dục đào tạo ở bất kỳ quốc gia nào. Công tác đào tạo cán bộ TV-TT ở Việt Nam đã thực hiện từ những năm đầu của thập niên 60 thế kỷ XX. Trong hơn 40 năm qua các cơ sở đào tạo cán bộ lĩnh vực này ở hai miền Nam - Bắc đã cung cấp cho ngành TV-TT cả nước hàng chục nghìn cán bộ TV-TT ở các trình độ trung học, cao đẳng, đại học và cao học thuộc các hệ chính qui, chuyên tu và tại chức. Số lượng cán bộ đó, đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực của các cơ quan TV-TT thuộc các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở.

Mục tiêu và nội dung đào tạo cán bộ ở hầu hết các cơ sở đào tạo thuộc lĩnh vực này từ trước đến nay là đào tạo ra một sản phẩm có kiến thức tổng hợp của ngành TV-TT (bao gồm các khối kiến thức: Đại cương, cơ sở ngành, thư viện, thư mục, thông tin và quản trị thư viện - thông tin). Với mục tiêu và nội dung đào tạo như vậy số sinh viên tốt nghiệp từ mô hình đào tạo này đã trở thành những cán bộ TV-TT thích ứng với yêu cầu công việc của các cơ quan TV-TT trong cả nước, góp phần đưa sự nghiệp TV-TT nước ta phát triển.

Hiện nay, trước sự phát triển về khoa học và công nghệ, về trình độ và nhu cầu của người dùng tin, về sự phát triển của tài liệu và thông tin ... các thư viện và các cơ quan thông tin đã có những biện pháp thay đổi phương thức hoạt động. Từ những năm 90, các thư viện và cơ quan thông tin vừa tổ chức hoạt động thư viện truyền thống, vừa từng bước tự động hóa và tăng cường các hoạt động thông tin để đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Do vậy, trình độ và khả năng cán bộ TV-TT được đào tạo những thập niên trước đây đã tỏ ra bất cập với nhiều nội dung công tác trong quá trình đổi mới hoạt động các cơ quan TV-TT hiện nay. Trong bối cảnh đó, các cơ sở đào tạo cán bộ TV-TT cũng đã có những biện pháp thay đổi mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo, nhưng cơ bản vẫn là đào tạo theo mô hình tổng quát của nhiều năm trước đây (có đầu tư thêm các môn học về công nghệ thông tin và dịch vụ thông tin). Và nếu như mục tiêu và nội

dung chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo cán bộ TV-TT tiếp tục tổ chức đào tạo theo mô hình hiện nay thì khó có một lớp cán bộ TV-TT mới trong tương lai có chuyên môn sâu và thích ứng nhanh với yêu cầu và sự phát triển mới của ngành.

2. Các chương trình đào tạo với yêu cầu cán bộ TV-TT hiện nay

Hiện trạng các chương trình đào tạo

Hiện nay, trong chương trình đào tạo cán bộ ngành TV-TT chúng ta có các bậc đào tạo: trung học, cao đẳng, đại học và thạc sỹ. Theo tính chất đào tạo, bậc học cao học có những đặc điểm riêng biệt cần có một sự nghiên cứu khác. Dưới đây, chỉ xem xét các bậc đào tạo còn lại theo các tiêu chí: thời gian, số tiết giảng dạy và kết cấu khung của chương trình.

- ***Bậc Trung học chuyên nghiệp***

Theo Chương trình khung giáo dục Trung học chuyên nghiệp ngành Thư viện – Ban hành kèm theo quyết định số 89/2004/QĐ-BVHTT ngày 01.10.2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, chương trình đào tạo của bậc trung học chuyên nghiệp như sau:

- Thời gian đào tạo: 2 năm;
- Tổng số tiết học toàn khóa: 1.500 tiết , 25 tuần thực tập. Trong đó:
 - + Phần Kiến thức đại cương và cốt lõi: 540 tiết .
 - + Phần kiến thức cơ sở ngành TV-TT: 210 tiết .
 - + Phần Kiến thức ngành: 750 tiết.
 - + Thực tập giữa khóa (cuối năm thứ nhất): 10 tuần .
 - + Thực tập tốt nghiệp (cuối năm thứ hai): 15 tuần .

- ***Bậc Cao đẳng***

Theo Chương trình Khung đào tạo Cử nhân Cao đẳng ngành TV-TT của Trường Cao đẳng Văn hóa TP. Hồ Chí Minh biên soạn năm 1995 và sửa đổi, bổ sung năm 2001, chương trình đào tạo của bậc cao đẳng như sau:

- Thời gian đào tạo: 3 năm;
- Tổng số tiết học toàn khóa: 2.526 tiết, 16 tuần thực tập. Trong đó:
 - + Phần Kiến thức đại cương: 1.236 tiết.
 - + Phần kiến thức cơ sở ngành TV-TT: 180 tiết.
 - + Phần Kiến thức chuyên môn chính: 810 tiết tiết (Kiến thức thư viện: 270 tiết; Kiến thức thông tin thư mục: 270 tiết; Kiến thức Quản trị thư viện thông tin: 270 tiết .
 - + Phần Kiến thức chuyên môn phụ: 300 tiết.
 - + Thực tập giữa khóa (cuối năm thứ nhất): 4 tuần.
 - + Thực tập tốt nghiệp (cuối năm thứ hai): 12 tuần.

- ***Bậc Đại học***

Theo chương trình Khung giáo dục đại học ngành TV-TT đã được thông qua Hội đồng biên soạn chương trình ngành TV-TT thông qua năm 2004, chương trình đào tạo của bậc đại học như sau:

- Thời gian đào tạo: 4 năm;
- Tổng số tiết học toàn khóa: 3.015 tiết, 18 tuần thực tập (10 đvht). Trong đó:
 - + Phần Kiến thức đại cương: 1.515 tiết.
 - + Phần kiến thức cơ sở ngành: 330 tiết.
 - + Phần Kiến thức ngành: 1.170 tiết.
 - + Thực tập giữa khóa (cuối năm thứ nhất): 6 tuần.
 - + Thực tập tốt nghiệp (cuối năm thứ hai): 12 tuần.

Một số suy nghĩ về kết cấu và đào tạo các phần kiến thức chương trình

Trong khuôn khổ thời gian đào tạo 3 năm đối với bậc cao đẳng và 4 năm đối với bậc đại học, số lượng tiết học dành cho phần kiến thức cơ sở của ngành và phần kiến thức ngành chiếm tỷ lệ ít (51 % đối với bậc cao đẳng và 50 % đối với bậc đại học) so với tổng số tiết trong chương trình .

Số TT	Bậc đào tạo	Tổng số tiết của chương trình	Kiến thức đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành TV-TT	
			Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
1	Trung học	1.500	540	36 %	210	14 %	750	50 %
2	Cao đẳng	2.526	1.236	49 %	180	7 %	1.110	44 %
3	Đại học	3.015	1.515	50 %	330	11 %	1.170	39 %

Nội dung phần kiến thức ngành trong các chương trình đào tạo cán bộ TV-TT đã vừa ít mà lại vừa bao quát tất cả các khâu công tác của một cơ quan TV-TT. Điều đó khó có thể đảm bảo mức độ đầy đủ và chuyên sâu về kiến thức và kỹ năng đối với người học. Với kết cấu chương trình như vậy, người học khó có một kiến thức rộng và đảm bảo chuyên sâu trong từng lĩnh vực chuyên môn để có thể có năng lực xử lý tốt các công việc của một cơ quan TV-TT.

Phần kiến thức ngành trong các chương trình đào tạo cán bộ thư viện-thông tin bao gồm các môn học nhằm trang bị cho người học có kiến thức và kỹ năng đầy đủ về các lĩnh vực như: Tổ chức hoạt động một thư viện, ứng dụng công nghệ thông tin vào thư viện, các sản phẩm và dịch vụ thông tin để phục vụ người dùng tin, quản trị cơ quan thư viện - thông tin ... được chuyển tải trong một khuôn khổ thời gian có hạn, do đó vẫn còn sơ sài, không thể đầy đủ và chuyên sâu được. Kết quả là, phần lớn sinh viên - học sinh ra trường rất hạn chế các kỹ năng cần thiết như: sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ

thông tin, tạo lập các sản phẩm thông tin, tổ chức hoạt động và quản trị các bộ phận công tác trong một thư viện

Tình trạng chung trên đây tại các cơ sở đào tạo TT-TV trong cả nước hiện nay còn bị chịu một áp lực vì khi xây dựng một chương trình đào tạo, ngoài phần kiến thức chuyên môn phải cơ cấu một khối lượng lớn kiến thức từ chính trị, quốc phòng, thể chất đến ngoại ngữ, kiến thức cơ sở nền tảng cho ngành đào tạo... để đảm bảo mục tiêu vừa đào tạo được chuyên môn vừa đào tạo con người toàn diện.

Ngoài ra còn phải tính đến, chất lượng đầu vào của sinh viên của các cơ sở đào tạo TT-TV còn khá yếu nên yếu tố này chắc chắn làm ảnh hưởng nhất định đến quá trình tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng trong quá trình học tập ngành TV-TT bởi một qui trình đào tạo như đã nêu trên. Mặt khác thời gian thực hành, thực tập trong quá trình đào tạo cũng thực sự không đủ về nội dung và điều kiện để sinh viên - học sinh rèn luyện kỹ năng tay nghề.

3. Đề nghị và giải pháp

Để có thể khắc phục tình trạng mất cân đối về chương trình đào tạo nêu trên, chúng tôi khuyến nghị các cơ sở đào tạo ngành TV-TT có thể nghiên cứu điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng đầu tư thêm các học phần và số tiết cho các môn học đi sâu chuyên ngành, hình thành các kỹ năng nghề nghiệp.

Hiện nay, trong các văn bản nhà nước và các cơ sở đào tạo đều khẳng định tất cả các chương trình đang đào tạo về lĩnh vực TV-TT từ bậc trung học đến cao đẳng và đại học, là ngành đào tạo. Như vậy, để chuyên sâu hơn chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng tiếp các chương trình chuyên ngành đào tạo cho ngành đào tạo này. Tổ chức đào tạo theo chuyên ngành thì các cơ sở đào tạo có điều kiện về thời gian để vừa đào tạo chuyên sâu, đủ khối lượng kiến thức cần thiết và vừa đầu tư kỹ năng thực hành các lĩnh vực công việc của một cơ quan TV-TT. Phương thức đào tạo đó hy vọng giúp người học trong từng bậc học sẽ thích ứng trong từng cấp độ công việc trong các loại hình cơ quan TV-TT.

Liên quan tới các bậc đào tạo cụ thể, chúng tôi kiến nghị:

Đối với chương trình đào tạo bậc trung học ngành TV-TT

Mục tiêu và nội dung đào tạo ở bậc học này là đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng thực hành chuyên môn để thực hiện tất cả các qui trình công tác đơn giản trong thư viện có qui mô nhỏ ở cấp cơ sở. Do vậy, ở bậc học này không nhất thiết phải phân chia chuyên ngành mà sử dụng chương trình đào tạo tổng hợp tất cả các chu trình công tác trong một thư viện.

Với chương trình đó, các cơ sở đào tạo cần nghiên cứu vận dụng điều chỉnh các nội dung sau để người học có thể tác nghiệp độc lập trong các thư viện nhỏ, nguồn lực ít như: Thư viện trường phổ thông, thư viện các cơ quan hành chính sự nghiệp, thư viện công cộng cấp huyện...

- Không tổ chức đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành (vì số giờ quá ít, lại không cần thiết ở bậc học này). Chuyển ngoại ngữ chuyên ngành (90 tiết) nhập chung ngoại ngữ đại cương (nâng ngoại ngữ đại cương lên 200 tiết).
- Giảm bớt thời gian thực tập của học sinh, từ 10 tuần thực tập giữa khóa xuống còn 6-8 tuần, từ 15 tuần thực tập tốt nghiệp xuống còn 10 đến 12 tuần. Thời gian giảm

đó dùng đầu tư thêm những kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tại lớp học các nội dung kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện các dịch vụ thông tin trong thư viện ...

Đối với chương trình đào tạo bậc cao đẳng, đại học ngành TV-TT

Ở hai bậc học này, mục tiêu và nội dung đào tạo người học trở thành cử nhân thực hành (đối với bậc cao đẳng) và cử nhân lý thuyết lẫn thực hành (đối với bậc đại học). Đối tượng này khi ra trường có thể thích ứng nhanh và tác nghiệp tốt từng qui trình công tác có tính phức tạp cao trong các thư viện phổ thông có qui mô lớn hoặc các thư viện khoa học. Để đảm bảo người học có đủ kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành từng khâu công việc trong các loại thư viện này, chương trình đào tạo phải thiết kế theo hướng chuyên sâu từng chuyên ngành ngành TV-TT, cụ thể:

- Bậc cao đẳng:

Chia làm hai chuyên ngành đào tạo:

- Chuyên ngành Thư viện;
- Chuyên ngành Thông tin - Thư mục.

Các chuyên ngành trên có thể cấu trúc các khối kiến thức như sau:

+ Khối kiến thức đại cương : 50/160 đvht (~ 33 %).

(Không cấu trúc phần kiến thức ngoại ngữ đại cương , SV tự học).

+ Khối kiến thức cơ sở và liên quan của chuyên ngành: 40/160 đvht (~ 27 %).

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 60/160 đvht (~ 40 %).

- Bậc đại học:

Chia làm ba chuyên ngành:

- Chuyên ngành Thư viện;
- Chuyên ngành Thông tin - Thư mục;
- Quản trị TV-TT.

Các chuyên ngành trên có thể cấu trúc các khối kiến thức như sau:

+ Khối kiến thức đại cương: 70 / 210 đvht.

(Không cấu trúc phần kiến thức ngoại ngữ đại cương , SV tự học).

+ Khối kiến thức cơ sở và liên quan của chuyên ngành: 55 đvht.

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 85 đvht .

Hiện nay, cả nước có đến 16 cơ sở tham gia tuyển sinh và đào tạo cán bộ TV-TT (Phía Bắc có 8 cơ sở, trong đó có 3 cơ sở đào tạo bậc đại học và 5 cơ sở đào tạo bậc cao đẳng; Phía Nam có 8 cơ sở, trong đó có 2 cơ sở đào tạo đại học và 6 cơ sở đào tạo bậc cao đẳng). Với sự gia tăng về cơ sở đào tạo cán bộ TV-TT như hiện nay, vấn đề đào tạo chuyên ngành lại càng phải xem xét khẩn trương và đầy đủ hơn.

Với một thị trường lao động khá lớn, với yêu cầu kiến thức và năng lực ngày càng cao đối với cán bộ thư viện. Những vấn đề nêu ra trên đây hy vọng sẽ là một tín hiệu mới về mục tiêu và chương trình đối với các cơ sở tham gia đào tạo cán bộ cho ngành TV-TT hiện nay.

Training in LIS specialty

Nguyen The Dung

Journal of Information and Documentation, 2005, no. 2. pp....

Abstracts: Compares the content structures of LIS training programmes at the present 4 educational levels in Vietnam: secondary school, high school, higher school and MA; Indicates the weaknesses in the existing programme structure; Makes suggestions to the division of training specialties at high school and higher school levels.